

(Học sinh làm bài vào giấy kiểm tra riêng)

I. Trắc nghiệm (5 điểm)

Học sinh ghi chữ cái đứng trước đáp án đúng vào giấy kiểm tra

Câu 1: Quốc gia nào ở Đông Á thường xuyên bị động đất và núi lửa?

- A. Hàn Quốc B. Nhật Bản C. Triều Tiên. D. Trung Quốc

Câu 2: Địa hình chủ yếu của khu vực Tây Nam Á là

- A. đồng bằng và bán bình nguyên B. cao nguyên và đồi
C. núi và đồng bằng D. núi và cao nguyên.

Câu 3: Dân cư các nước Nam Á chủ yếu theo tôn giáo nào?

- A. Hồi giáo B. Ấn Độ giáo, Hồi giáo.
C. Thiên Chúa giáo, Phật giáo D. Tất cả các tôn giáo trên.

Câu 4: Quốc gia nào sau đây không nằm trong vùng lãnh thổ Đông Á?

- A. Trung Quốc. B. Mông Cổ C. Nhật Bản. D. Hàn Quốc.

Câu 5: Khu vực Tây Nam Á nằm trong đới hay kiểu đới khí hậu nào?

- A. Nhiệt đới khô B. Nhiệt đới gió mùa.
C. Cận nhiệt D. Ôn đới

Câu 6: Nội dung nào sau đây không đúng với sự gây ảnh hưởng của các nước phương Tây và Bắc Mỹ đối với khu vực Tây Nam Á?

- A. Nằm giữa ngã ba của ba châu lục Phi-Á- Âu
B. Nơi có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất thế giới.
C. Tình hình chính trị- xã hội luôn ổn định
D. Vị trí nối Địa Trung Hải với Biển Đỏ.

Câu 7: Những nước nào công nghiệp phát triển nhanh nhưng nông nghiệp vẫn giữ vai trò lớn?

- A. Trung Quốc, Hàn Quốc B. Ấn Độ, Mông Cổ.
C. Trung Quốc, Thái Lan D. Thái Lan, Việt Nam

Câu 8: Cho bảng số liệu

Sản lượng khai thác và sử dụng dầu mỏ ở một số nước châu Á

Stt	Tiêu chí	Sản lượng dầu mỏ (triệu tấn)	
		Khai thác	Tiêu dùng
1	Trung Quốc	161,0	173,7
2	Nhật Bản	0,45	214,1
3	In-đô-nê-xi-a	65,48	45,21
4	A-rập Xê-ut	431,12	92,4
5	Cô-oet	103,93	43,6
6	Ấn Độ	32,97	71,5

Sản lượng dầu mỏ khai thác của 1 số nước khu vực Tây Nam Á gấp 1 số nước khu vực Đông Á

- A. 1,9 lần B. 2,85 lần C. 3,31 lần D. 8,17 lần

Câu 9: Dựa vào bảng số liệu sau:

Một số chỉ tiêu kinh tế- xã hội ở một số nước châu Á năm 2001

Quốc gia	Cơ cấu GDP (%)			Tỉ lệ tăng GDP bình quân năm (%)	GDP/người (USD)
	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ		
Nhật Bản	1,5	32,1	66,4	0,4	33.400,0
Cô-oet	-	58,0	41,8	1,7	19.040,0
Hàn Quốc	4,5	41,4	54,1	3	8.861,0
Ma-lai-xi-a	8,5	49,6	41,9	0,4	3.680,0
Trung Quốc	15	52,0	33,0	7,3	911,0
Xi-ri	23,8	29,7	46,5	3,5	1.081,0
U-dơ-bê-ki-xtan	36	21,4	42,6	4	449,0
Lào	53	22,7	24,3	5,7	317,0
Việt Nam	23,6	37,8	38,6	6,9	415,0

Nước có bình quân GDP/người cao nhất gấp nước có GDP/người thấp nhất

- A. 74,4 lần B. 80,5 lần C. 36,7 lần D. 105,4 lần

Câu 10: Việt Nam nằm trong nhóm nước có

- A. thu nhập trung bình dưới B. thu nhập thấp
C. thu nhập trung bình trên D. thu nhập cao.

Câu 11: Nước nào đã sớm đạt được nền công nghiệp trình độ cao nhất ở Châu Á?

- A. Hàn Quốc B. Xing-ga-po C. Ấn Độ. D. Nhật Bản

Câu 12: Những nước nào sau đây xuất khẩu lương thực (lúa gạo) nhiều nhất thế giới?

- A. Thái Lan, Việt Nam B. Trung Quốc, Ấn Độ
C. Nga, Mông Cổ D. Nhật Bản, Ma-lai-xi-a.

Câu 13: Những nước nào sau đây sản xuất nhiều lương thực nhất thế giới?

- A. Nga, Mông Cổ B. Nhật Bản, Ma-lai-xi-a.
C. Trung Quốc, Ấn Độ D. Thái Lan, Việt Nam

Câu 14: Cho bảng số liệu

Bảng số liệu dân số châu Á năm 2001

Khu vực	Đông Á	Nam Á	Đông Nam Á	Trung Á	Tây Nam Á
Dân số (triệu người)	1503	1356	519	56	286

Dựa vào bảng số liệu ta biết được dân số khu vực Nam Á năm 2001 chiếm tỉ lệ

- A. 7,69% B. 13,95% C. 40,40 % D. 36,45%

Câu 15: Loại gió ảnh hưởng sâu sắc đến sản xuất khu vực Nam Á là

- A. gió Tín phong Đông Bắc B. gió Đông Nam
C. gió mùa Tây Nam D. gió mùa Đông Bắc.

Câu 16: Nước khai thác và xuất khẩu dầu mỏ lớn nhất Châu Á là:

- A. A-rập-xê-út B. Cô-oét. C. Trung Quốc D. I-rắc

Câu 17: Quốc gia nào sau đây *không* được coi là nước công nghiệp mới?

- A. Xing-ga-po. B. Hàn Quốc C. Đài Loan D. Thái Lan

Câu 18: Nam Á là khu vực có mật độ dân cao đứng mấy châu Á ?

- A. 4 B. 3 C. 1. D. 2 .

Câu 19: Khu vực Nam Á có khí hậu

- A. xích đạo B. nhiệt đới gió mùa.
C. nhiệt đới khô D. cận nhiệt đới

Câu 20: Những thành tựu quan trọng nhất của Trung Quốc là:

- A. Nông nghiệp phát triển, giải quyết tốt lương thực cho người dân
B. Công nghiệp hoàn chỉnh, hiện đại
C. Xuất khẩu lương thực đứng thứ nhất thế giới
D. Tốc độ tăng trưởng nhanh và ổn định

II. Tự luận (5 điểm)

Câu 1 (3 điểm)

Phân biệt sự khác nhau về đặc điểm địa hình, khí hậu, cảnh quan tự nhiên phía đông và phía tây phần đất liền khu vực Đông Á.

Câu 2. (2 điểm)

Dựa vào bảng số liệu sau:

Bảng số liệu diện tích và dân số một số khu vực châu Á

Khu vực	Đông Á	Nam Á	Đông Nam Á	Tây Nam Á
Diện tích (nghìn km ²)	11762	4489	4495	7016
Dân số (triệu người)	1503	1356	519	286

? Tính mật độ dân số các khu vực của châu Á (đơn vị: người / km²)

* (chú ý ghi phép tính)

.....Chúc các em làm bài tốt.....

Môn: ĐỊA LÍ LỚP 8

Tiết theo KHDH: 17-Thời gian làm bài: 45 phút

(Học sinh làm bài vào giấy kiểm tra riêng)

I. Trắc nghiệm (5 điểm)

Học sinh ghi chữ cái đứng trước đáp án đúng vào giấy kiểm tra

Câu 1: Nam Á là khu vực có mật độ dân cao đứng mấy châu Á ?

- A. 1. B. 4 C. 3 D. 2.

Câu 2: Việt Nam nằm trong nhóm nước có

- A. thu nhập cao. B. thu nhập thấp
C. thu nhập trung bình dưới D. thu nhập trung bình trên

Câu 3: Nước nào đã sớm đạt được nền công nghiệp trình độ cao nhất ở Châu Á?

- A. Ấn Độ. B. Hàn Quốc C. Nhật Bản D. Xing-ga-po

Câu 4: Địa hình chủ yếu của khu vực Tây Nam Á là

- A. đồng bằng và bán bình nguyên B. núi và đồng bằng
C. núi và cao nguyên. D. cao nguyên và đồi

Câu 5: Những nước nào công nghiệp phát triển nhanh nhưng nông nghiệp vẫn giữ vai trò lớn?

- A. Ấn Độ, Mông Cổ. B. Thái Lan, Việt Nam
C. Trung Quốc, Hàn Quốc D. Trung Quốc, Thái Lan

Câu 6: Cho bảng số liệu

Bảng số liệu dân số châu Á năm 2001

Khu vực	Đông Á	Nam Á	Đông Nam Á	Trung Á	Tây Nam Á
Dân số (triệu người)	1503	1356	519	56	286

Dựa vào bảng số liệu ta biết được dân số khu vực Nam Á năm 2001 chiếm tỉ lệ

- A. 40,40 % B. 13,95% C. 36,45% D. 7,69%

Câu 7: Quốc gia nào sau đây không được coi là nước công nghiệp mới?

- A. Đài Loan B. Xing-ga-po. C. Thái Lan D. Hàn Quốc

Câu 8: Cho bảng số liệu

Sản lượng khai thác và sử dụng dầu mỏ ở một số nước châu Á

Stt	Tiêu chí	Sản lượng dầu mỏ (triệu tấn)	
		Khai thác	Tiêu dùng
1	Quốc gia		
1	Trung Quốc	161,0	173,7
2	Nhật Bản	0,45	214,1
3	In-đô-nê-xi-a	65,48	45,21
4	A-rập Xê-ut	431,12	92,4
5	Cô-oet	103,93	43,6
6	Ấn Độ	32,97	71,5

Sản lượng dầu mỏ khai thác của 1 số nước khu vực Tây Nam Á gấp 1 số nước khu vực Đông Á

- A. 3,32 lần B. 8,17 lần C. 2,85 lần D. 1,9 lần

Câu 9: Nước khai thác và xuất khẩu dầu mỏ lớn nhất Châu Á là:

- A. Trung Quốc B. I-rắc C. Cô-oét. D. A-rập-xê-út

Câu 10: Khu vực Nam Á có khí hậu

- A. cận nhiệt đới B. xích đạo
C. nhiệt đới khô D. nhiệt đới gió mùa.

Câu 11: Những nước nào sau đây sản xuất nhiều lương thực nhất thế giới?

- A. Nhật Bản, Ma-lai-xi-a. B. Trung Quốc, Ấn Độ
C. Thái Lan, Việt Nam D. Nga, Mông Cổ

Câu 12: Dựa vào bảng số liệu sau:

Một số chỉ tiêu kinh tế- xã hội ở một số nước châu Á năm 2001

Quốc gia	Cơ cấu GDP (%)			Tỉ lệ tăng GDP bình quân năm (%)	GDP/người (USD)
	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ		
Nhật Bản	1,5	32,1	66,4	0,4	33.400,0
Cô-oet	-	58,0	41,8	1,7	19.040,0
Hàn Quốc	4,5	41,4	54,1	3	8.861,0
Ma-lai-xi-a	8,5	49,6	41,9	0,4	3.680,0
Trung Quốc	15	52,0	33,0	7,3	911,0
Xi-ri	23,8	29,7	46,5	3,5	1.081,0
U-dơ-bê-ki-xtan	36	21,4	42,6	4	449,0
Lào	53	22,7	24,3	5,7	317,0
Việt Nam	23,6	37,8	38,6	6,9	415,0

Nước có bình quân GDP/người cao nhất gấp nước có GDP/người thấp nhất

- A. 74,4 lần B. 80,5 lần C. 36,7 lần D. 105,4 lần

Câu 13: Loại gió ảnh hưởng sâu sắc đến sản xuất khu vực Nam Á là

- A. gió Tín phong Đông Bắc B. gió mùa Đông Bắc.
C. gió Đông Nam D. gió mùa Tây Nam

Câu 14: Những nước nào sau đây xuất khẩu lương thực (lúa gạo) nhiều nhất thế giới?

- A. Thái Lan, Việt Nam B. Nhật Bản, Ma-lai-xi-a.
C. Nga, Mông Cổ D. Trung Quốc, Ấn Độ

Câu 15: Dân cư các nước Nam Á chủ yếu theo tôn giáo nào?

- A. Hồi giáo B. Ấn Độ giáo, Hồi giáo.
C. Thiên Chúa giáo, Phật giáo D. Tất cả các tôn giáo trên.

Câu 16: Khu vực Tây Nam Á nằm trong đới hay kiểu đới khí hậu nào?

- A. Nhiệt đới gió mùa.
C. Ôn đới

- B. Cận nhiệt
D. Nhiệt đới khô

Câu 17: Quốc gia nào sau đây không nằm trong vùng lãnh thổ Đông Á?

- A. Trung Quốc. B. Mông Cổ C. Nhật Bản. D. Hàn Quốc.

Câu 18: Quốc gia nào ở Đông Á thường xuyên bị động đất và núi lửa?

- A. Hàn Quốc B. Nhật Bản C. Triều Tiên. D. Trung Quốc

Câu 19: Nội dung nào sau đây không đúng với sự gây ảnh hưởng của các nước phương Tây và Bắc Mỹ đối với khu vực Tây Nam Á?

- A. Nằm giữa ngã ba của ba châu lục Phi-Á- Âu
B. Nơi có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất thế giới.
C. Tình hình chính trị- xã hội luôn ổn định
D. Vị trí nối Địa Trung Hải với Biển Đỏ.

Câu 20: Những thành tựu quan trọng nhất của Trung Quốc là:

- A. Nông nghiệp phát triển, giải quyết tốt lương thực cho người dân
B. Công nghiệp hoàn chỉnh, hiện đại
C. Tốc độ tăng trưởng nhanh và ổn định
D. Xuất khẩu lương thực đứng thứ nhất thế giới

II. Tự luận (5 điểm)

Câu 1 (3 điểm)

Phân biệt sự khác nhau về đặc điểm địa hình, khí hậu; cảnh quan tự nhiên phía đông và phía tây phần đất liền khu vực Đông Á.

Câu 2. (2 điểm)

Dựa vào bảng số liệu sau:

Bảng số liệu diện tích và dân số một số khu vực châu Á

Khu vực	Đông Á	Nam Á	Đông Nam Á	Tây Nam Á
Diện tích (nghìn km ²)	11762	4489	4495	7016
Dân số (triệu người)	1503	1356	519	286

? Tính mật độ dân số các khu vực của châu Á (đơn vị: người / km²)

* (chú ý ghi phép tính)

.....Chúc các em làm bài tốt.....

Mã đề thi: 803 (gồm có 03 trang)

Môn: ĐỊA LÍ LỚP 8

Tiết theo KHDH: 17-Thời gian làm bài: 45 phút

(Học sinh làm bài vào giấy kiểm tra riêng)

I. Trắc nghiệm (5 điểm)

Học sinh ghi chữ cái đứng trước đáp án đúng vào giấy kiểm tra

Câu 1: Những thành tựu quan trọng nhất của Trung Quốc là:

- A. Nông nghiệp phát triển, giải quyết tốt lương thực cho người dân
B. Xuất khẩu lương thực đứng thứ nhất thế giới
C. Công nghiệp hoàn chỉnh, hiện đại
D. Tốc độ tăng trưởng nhanh và ổn định

Câu 2: Nước khai thác và xuất khẩu dầu mỏ lớn nhất Châu Á là:

- A. I-rắc. B. Trung Quốc C. A-rập-xê-út D. Cô-oét.

Câu 3: Cho bảng số liệu

Bảng số liệu dân số châu Á năm 2001

Khu vực	Đông Á	Nam Á	Đông Nam Á	Trung Á	Tây Nam Á
Dân số (triệu người)	1503	1356	519	56	286

Dựa vào bảng số liệu ta biết được dân số khu vực Nam Á năm 2001 chiếm tỉ lệ

- A. 7,69% B. 13,95% C. 40,40 % D. 36,45%

Câu 4: Nước nào đã sớm đạt được nền công nghiệp trình độ cao nhất ở Châu Á?

- A. Xing-ga-po B. Hàn Quốc C. Ấn Độ. D. Nhật Bản

Câu 5: Những nước nào sau đây sản xuất nhiều lương thực nhất thế giới?

- A. Trung Quốc, Ấn Độ B. Nga, Mông Cổ
C. Thái Lan, Việt Nam D. Nhật Bản, Ma-lai-xi-a.

Câu 6: Quốc gia nào sau đây không được coi là nước công nghiệp mới?

- A. Đài Loan B. Xing-ga-po. C. Thái Lan D. Hàn Quốc

Câu 7: Cho bảng số liệu

Sản lượng khai thác và sử dụng dầu mỏ ở một số nước châu Á

Stt	Tiêu chí	Sản lượng dầu mỏ (triệu tấn)	
		Khai thác	Tiêu dùng
1	Trung Quốc	161,0	173,7
2	Nhật Bản	0,45	214,1
3	In-đô-nê-xi-a	65,48	45,21
4	A-rập Xê-ut	431,12	92,4
5	Cô-oet	103,93	43,6
6	Ấn Độ	32,97	71,5

Sản lượng dầu mỏ khai thác của 1 số nước khu vực Tây Nam Á gấp 1 số nước khu vực Đông Á

- A. 3,31 lần B. 8,17 lần C. 2,85 lần D. 1,9 lần

Câu 8: Những nước nào công nghiệp phát triển nhanh nhưng nông nghiệp vẫn giữ vai trò lớn?

- A. Trung Quốc, Hàn Quốc B. Trung Quốc, Thái Lan
C. Ấn Độ, Mông Cổ D. Thái Lan, Việt Nam

Câu 9: Loại gió ảnh hưởng sâu sắc đến sản xuất khu vực Nam Á là

- A. gió Tín phong Đông Bắc B. gió mùa Đông Bắc.
C. gió Đông Nam D. gió mùa Tây Nam

Câu 10: Dựa vào bảng số liệu sau:

Một số chỉ tiêu kinh tế- xã hội ở một số nước châu Á năm 2001

Quốc gia	Cơ cấu GDP (%)			Tỉ lệ tăng GDP bình quân năm (%)	GDP/người (USD)
	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ		
Nhật Bản	1,5	32,1	66,4	0,4	33.400,0
Cô-oet	-	58,0	41,8	1,7	19.040,0
Hàn Quốc	4,5	41,4	54,1	3	8.861,0
Ma-lai-xi-a	8,5	49,6	41,9	0,4	3.680,0
Trung Quốc	15	52,0	33,0	7,3	911,0
Xi-ri	23,8	29,7	46,5	3,5	1.081,0
U-dơ-bê-ki-xtan	36	21,4	42,6	4	449,0
Lào	53	22,7	24,3	5,7	317,0
Việt Nam	23,6	37,8	38,6	6,9	415,0

Nước có bình quân GDP/người cao nhất gấp nước có GDP/người thấp nhất

- A. 74,4 lần B. 80,5 lần C. 36,7 lần D. 105,4 lần

Câu 11: Dân cư các nước Nam Á chủ yếu theo tôn giáo nào?

- A. Hồi giáo B. Ấn Độ giáo, Hồi giáo.
C. Thiên Chúa giáo, Phật giáo D. Tất cả các tôn giáo trên.

Câu 12: Việt Nam nằm trong nhóm nước có

- A. thu nhập trung bình trên B. thu nhập thấp
C. thu nhập trung bình dưới D. thu nhập cao.

Câu 13: Những nước nào sau đây xuất khẩu lương thực (lúa gạo) nhiều nhất thế giới?

- A. Thái Lan, Việt Nam B. Nhật Bản, Ma-lai-xi-a.
C. Nga, Mông Cổ D. Trung Quốc, Ấn Độ

Câu 14: Địa hình chủ yếu của khu vực Tây Nam Á là

- A. đồng bằng và bán bình nguyên B. cao nguyên và đồi
C. núi và đồng bằng D. núi và cao nguyên.

Câu 15: Khu vực Tây Nam Á nằm trong đới hay kiểu đới khí hậu nào?

- A. Nhiệt đới gió mùa. B. Cận nhiệt
C. Ôn đới D. Nhiệt đới khô

Câu 16: Quốc gia nào sau đây không nằm trong vùng lãnh thổ Đông Á?

- A. Trung Quốc. B. Mông Cổ C. Nhật Bản. D. Hàn Quốc.

Câu 17: Quốc gia nào ở Đông Á thường xuyên bị động đất và núi lửa?

- A. Hàn Quốc B. Nhật Bản C. Triều Tiên. D. Trung Quốc

Câu 18: Nội dung nào sau đây không đúng với sự gây ảnh hưởng của các nước phương Tây và Bắc Mỹ đối với khu vực Tây Nam Á?

- A. Nằm giữa ngã ba của ba châu lục Phi-Á- Âu
B. Nơi có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất thế giới.
C. Tình hình chính trị- xã hội luôn ổn định
D. Vị trí nổi Địa Trung Hải với Biển Đỏ.

Câu 19: Nam Á là khu vực có mật độ dân cao đứng mấy châu Á ?

- A. 4 B. 3 C. 1. D. 2 .

Câu 20: Khu vực Nam Á có khí hậu

- A. xích đạo B. nhiệt đới khô C. nhiệt đới gió mùa. D. cận nhiệt đới

II. Tự luận (5 điểm)

Câu 1 (3 điểm)

Phân biệt sự khác nhau về đặc điểm địa hình, khí hậu, cảnh quan tự nhiên phía đông và phía tây phần đất liền khu vực Đông Á.

Câu 2. (2 điểm)

Dựa vào bảng số liệu sau:

Bảng số liệu diện tích và dân số một số khu vực châu Á

Khu vực	Đông Á	Nam Á	Đông Nam Á	Tây Nam Á
Diện tích (nghìn km ²)	11762	4489	4495	7016
Dân số (triệu người)	1503	1356	519	286

? Tính mật độ dân số các khu vực của châu Á (đơn vị: người / km²)

* (chú ý ghi phép tính)

.....Chúc các em làm bài tốt.....



UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Mã đề thi: 804 (gồm 03 trang)

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2022- 2023

Môn: ĐỊA LÍ LỚP 8

Tiết theo KHDH: 17-Thời gian làm bài: 45 phút

(Học sinh làm bài vào giấy kiểm tra riêng)

I. Trắc nghiệm (5 điểm)

Học sinh ghi chữ cái đứng trước đáp án đúng vào giấy kiểm tra

Câu 1: Khu vực Nam Á có khí hậu

- A. cận nhiệt đới B. nhiệt đới khô C. nhiệt đới gió mùa. D. xích đạo

Câu 2: Nước khai thác và xuất khẩu dầu mỏ lớn nhất Châu Á là:

- A. Cô-oét. B. A-rập-xê-út C. Trung Quốc D. I-rắc

Câu 3: Quốc gia nào ở Đông Á thường xuyên bị động đất và núi lửa?

- A. Hàn Quốc B. Trung Quốc C. Triều Tiên. D. Nhật Bản

Câu 4: Loại gió ảnh hưởng sâu sắc đến sản xuất khu vực Nam Á là:

- A. gió mùa Tây Nam B. gió Tín phong Đông Bắc
C. gió Đông Nam D. gió mùa Đông Bắc.

Câu 5: Nam Á là khu vực có mật độ dân cao đứng mấy châu Á ?

- A. 1. B. 3 C. 4 D. 2 .

Câu 6: Quốc gia nào sau đây không nằm trong vùng lãnh thổ Đông Á?

- A. Trung Quốc. B. Hàn Quốc. C. Mông Cổ D. Nhật Bản.

Câu 7: Những thành tựu quan trọng nhất của Trung Quốc là:

- A. Nông nghiệp phát triển, giải quyết tốt lương thực cho người dân
B. Công nghiệp hoàn chỉnh, hiện đại
C. Tốc độ tăng trưởng nhanh và ổn định
D. Xuất khẩu lương thực đứng thứ nhất thế giới

Câu 8: Quốc gia nào sau đây không được coi là nước công nghiệp mới?

- A. Hàn Quốc B. Xing-ga-po. C. Thái Lan D. Đài Loan

Câu 9: Việt Nam nằm trong nhóm nước có

- A. thu nhập trung bình trên B. thu nhập thấp
C. thu nhập trung bình dưới D. thu nhập cao.

Câu 10: Nội dung nào sau đây không đúng với sự gây ảnh hưởng của các nước phương Tây và Bắc Mỹ đối với khu vực Tây Nam Á?

- A. Nằm giữa ngã ba của ba châu lục Phi-Á- Âu
B. Nơi có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất thế giới.
C. Tình hình chính trị- xã hội luôn ổn định
D. Vị trí nối Địa Trung Hải với Biển Đỏ.

Câu 11: Địa hình chủ yếu của khu vực Tây Nam Á là

- A. núi và đồng bằng B. đồng bằng và bán bình nguyên
C. cao nguyên và đồi D. núi và cao nguyên.

Câu 12: Những nước nào công nghiệp phát triển nhanh nhưng nông nghiệp vẫn giữ vai trò lớn?

- A. Trung Quốc, Thái Lan B. Trung Quốc, Hàn Quốc
C. Ấn Độ, Mông Cổ. D. Thái Lan, Việt Nam



Câu 13: Dựa vào bảng số liệu sau:

Một số chỉ tiêu kinh tế- xã hội ở một số nước châu Á năm 2001

Quốc gia	Cơ cấu GDP (%)			Tỉ lệ tăng GDP bình quân năm (%)	GDP/người (USD)
	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ		
Nhật Bản	1,5	32,1	66,4	0,4	33.400,0
Cô-oet	-	58,0	41,8	1,7	19.040,0
Hàn Quốc	4,5	41,4	54,1	3	8.861,0
Ma-lai-xi-a	8,5	49,6	41,9	0,4	3.680,0
Trung Quốc	15	52,0	33,0	7,3	911,0
Xi-ri	23,8	29,7	46,5	3,5	1.081,0
U-dơ-bê-ki-xtan	36	21,4	42,6	4	449,0
Lào	53	22,7	24,3	5,7	317,0
Việt Nam	23,6	37,8	38,6	6,9	415,0

Nước có bình quân GDP/người cao nhất gấp nước có GDP/người thấp nhất

- A. 74,4 lần B. 80,5 lần C. 36,7 lần D. 105,4 lần

Câu 14: Những nước nào sau đây sản xuất nhiều lương thực nhất thế giới?

- A. Thái Lan, Việt Nam B. Nga, Mông Cổ
C. Nhật Bản, Ma-lai-xi-a. D. Trung Quốc, Ấn Độ

Câu 15: Cho bảng số liệu

Sản lượng khai thác và sử dụng dầu mỏ ở một số nước châu Á

Stt	Tiêu chí	Sản lượng dầu mỏ (triệu tấn)	
		Khai thác	Tiêu dùng
1	Trung Quốc	161,0	173,7
2	Nhật Bản	0,45	214,1
3	In-đô-nê-xi-a	65,48	45,21
4	A-rập Xê-ut	431,12	92,4
5	Cô-oet	103,93	43,6
6	Ấn Độ	32,97	71,5

Sản lượng dầu mỏ khai thác của 1 số nước khu vực Tây Nam Á gấp 1 số nước khu vực Đông Á

- A. 8,17 lần B. 3,32 lần C. 2,85 lần D. 1,9 lần

Câu 16: Dân cư các nước Nam Á chủ yếu theo tôn giáo nào?

- A. Hồi giáo B. Ấn Độ giáo, Hồi giáo.
C. Thiên Chúa giáo, Phật giáo D. Tất cả các tôn giáo trên.

Câu 17: Khu vực Tây Nam Á nằm trong đới hay kiểu đới khí hậu nào?

- A. Nhiệt đới gió mùa. B. Cận nhiệt
C. Ôn đới D. Nhiệt đới khô

Câu 18: Những nước nào sau đây xuất khẩu lương thực (lúa gạo) nhiều nhất thế giới?

- A. Thái Lan, Việt Nam
C. Nga, Mong Cổ

- B. Nhật Bản, Ma-lai-xi-a.
D. Trung Quốc, Ấn Độ

Câu 19: Cho bảng số liệu

Bảng số liệu dân số châu Á năm 2001

Khu vực	Đông Á	Nam Á	Đông Nam Á	Trung Á	Tây Nam Á
Dân số (triệu người)	1503	1356	519	56	286

Dựa vào bảng số liệu ta biết được dân số khu vực Nam Á năm 2001 chiếm tỉ lệ

- A. 36,45% B. 40,40 % C. 13,95% D. 7,69%

Câu 20: Nước nào đã sớm đạt được nền công nghiệp trình độ cao nhất ở Châu Á?

- A. Ấn Độ. B. Hàn Quốc C. Nhật Bản D. Xing-ga-po

II. Tự luận (5 điểm)

Câu 1 (3 điểm)

Phân biệt sự khác nhau về đặc điểm địa hình, khí hậu, cảnh quan tự nhiên phía đông và phía tây phần đất liền khu vực Đông Á.

Câu 2. (2 điểm)

Dựa vào bảng số liệu sau:

Bảng số liệu diện tích và dân số một số khu vực châu Á

Khu vực	Đông Á	Nam Á	Đông Nam Á	Tây Nam Á
Diện tích (nghìn km ²)	11762	4489	4495	7016
Dân số (triệu người)	1503	1356	519	286

? Tính mật độ dân số các khu vực của châu Á (đơn vị: người / km²)

* (chú ý ghi phép tính)

.....Chúc các em làm bài tốt.....